

Số: 489./2025/CBTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

V/v: Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an  
toàn tài chính bán niên 2025 đã được soát xét

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tổ chức công bố thông tin

Tên Công ty: Công ty cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors

Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHBQLQ do UBCKNN cấp ngày 29/12/2006;  
Trụ sở chính: Tầng 25, tòa nhà Leadvisors tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô,  
thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 37836089

Fax: 024 37836079

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Quốc Bình – Tổng Giám đốc

II. Thông tin công bố

Loại thông tin công bố:

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên 2025 đã được soát xét;

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên 2025 đã được soát xét;

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Quản lý quỹ  
Leadvisors tại đường dẫn: <http://fund.leadvisors.com/vi/bao-cao/>  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTT;



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS  
BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

| NỘI DUNG |                                                   |
|----------|---------------------------------------------------|
| 1 - 2    | BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                     |
| 3 - 4    | BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ |
| 5 - 7    | Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ                 |
| 8        | Bảo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ |
| 9        | Bảo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ           |
| 10       | Bảo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu        |
| 11 - 28  | Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ    |



BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors trình bày Báo cáo này cùng với Bảo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương, trước đó lần lượt là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hapaco. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép lần đầu số 16/UBCK-GPHBQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPBC-UBCK ngày 30/9/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đổi tên Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200725638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi các lần, thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 ngày 23/02/2023 là 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: LEADVISORS CAPITAL MANAGEMENT COMPANY;

Tên viết tắt: LEADVISORS CAPITAL MANAGEMENT

Trụ sở chính của công ty: Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Chức vụ Chủ tịch Ông Lê Minh Thành

Thành viên Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Thành viên Ông Trịnh Quốc Bình

Ban Tổng Giám đốc

Chức vụ Ông Trịnh Quốc Bình

Chức vụ Tổng Giám đốc Ông Trịnh Quốc Bình

CÁC SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phân ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Trình Quốc Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025





## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvitors**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvitors được lập ngày 12/08/2025 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Ban thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề tiềm ẩn có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét và Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Bảo cáo soát xét ngày 08/8/2024 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần và Bảo cáo kiểm toán ngày 19/02/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



*[Handwritten signature]*

Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

30/06/2025 VND MS TM VND  
01/01/2025 VND

| TÀI SẢN                                      |  |     |     |                  |                  |
|----------------------------------------------|--|-----|-----|------------------|------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |  | 100 |     | 39.016.307.695   | 37.779.701.789   |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> |  | 110 | 5.1 | 2.591.046.086    | 4.368.838.867    |
| 1. Tiền                                      |  | 111 |     | 591.046.086      | 868.838.867      |
| 2. Các khoản tương đương tiền                |  | 112 |     | 2.000.000.000    | 3.500.000.000    |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |  | 120 | 5.2 | 35.038.158.000   | 32.573.978.800   |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                           |  | 121 |     | 46.368.023.342   | 44.418.023.342   |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn         |  | 129 |     | (11.329.865.342) | (11.844.044.542) |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |  | 130 |     | 1.387.103.609    | 836.884.122      |
| 1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ              |  | 134 | 5.3 | 1.120.858.317    | 719.687.076      |
| 2. Phải thu ngắn hạn khác                    |  | 136 | 5.4 | 1.097.818.721    | 948.770.475      |
| 3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        |  | 137 | 5.5 | (831.573.429)    | (831.573.429)    |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |  | 200 |     | 2.937.022.963    | 2.858.889.284    |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   |  | 220 |     | 927.498          | 6.492.498        |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  |  | 221 | 5.6 | 927.498          | 6.492.498        |
| - Nguyên giá                                 |  | 222 |     | 100.989.998      | 100.989.998      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     |  | 223 |     | (100.062.500)    | (94.497.500)     |
| <b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> |  | 250 | 5.2 | 2.894.623.315    | 2.845.733.052    |
| 1. Đầu tư dài hạn khác                       |  | 258 |     | 4.755.184.800    | 4.754.184.800    |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn          |  | 259 |     | (1.860.561.485)  | (1.908.451.748)  |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              |  | 260 |     | 41.472.150       | 6.663.734        |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 |  | 261 | 5.7 | 41.472.150       | 6.663.734        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |  | 270 |     | 41.953.330.658   | 40.638.591.073   |
| (270 = 100+200)                              |  |     |     |                  |                  |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

| NGUỒN VỐN                                    |  | MS   | TM   | VND            | VND            |
|----------------------------------------------|--|------|------|----------------|----------------|
| <b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>              |  | 300  |      | 1.089.314.242  | 1.626.747.419  |
| 1. Nợ ngắn hạn                               |  | 310  |      | 1.089.314.242  | 1.626.747.419  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               |  | 312  | 5.8  | 400.747.362    | 414.361.505    |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       |  | 314  | 5.9  | 561.803.272    | 215.248.495    |
| 3. Phải trả người lao động                   |  | 315  |      | -              | 900.414.091    |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                 |  | 316  | 5.10 | 3.108.270      | 30.641.858     |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn     |  | 319  | 5.11 | 26.144.509     | 26.144.509     |
| 6. Quỹ khen thưởng phúc lợi                  |  | 323  |      | 97.510.829     | 39.936.961     |
| <b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>           |  | 400  | 5.12 | 40.864.016.416 | 39.011.843.654 |
| 1- Vốn chủ sở hữu                            |  | 410  |      | 40.864.016.416 | 39.011.843.654 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    |  | 411  |      | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                     |  | 417  |      | 297.571.576    | 297.571.576    |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính                    |  | 418  |      | 595.143.152    | 595.143.152    |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         |  | 420  |      | 4.971.301.688  | 3.119.128.926  |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |  | 420a |      | 3.025.555.058  | 113.861.140    |
| LNST chưa phân phối kỳ này                   |  | 420b |      | 1.945.746.630  | 3.005.267.786  |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                   |  | 440  |      | 41.953.330.658 | 40.638.591.073 |
| (440 = 300+400)                              |  |      |      |                |                |

Người lập

Nguyễn Nguyệt Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Nguyệt Minh

Tổng Giám đốc

Trình Quốc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
Tài ngày 30 tháng 06 năm 2025

| CHỈ TIÊU                                           | MS  | TM   | 30/06/2025        | 01/01/2025        |
|----------------------------------------------------|-----|------|-------------------|-------------------|
| 1. Chứng khoán lưu ký của công ty                  | 006 |      | 30.816.880.000    | 30.816.880.000    |
| quản lý quỹ                                        |     |      |                   |                   |
| - Chứng khoán giao dịch                            | 007 |      | 30.747.080.000    | 30.747.080.000    |
| - Chứng khoán tạm ngừng giao dịch                  | 008 |      | 69.800.000        | 69.800.000        |
| 2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ | 020 |      | 4.486.080.000     | 4.485.080.000     |
| 3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác                 | 030 | 5.13 | 66.534.363.455    | 95.025.352.553    |
| - Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước       | 031 |      | 66.534.363.455    | 95.025.352.553    |
| 4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác          | 040 | 5.14 | 1.718.818.423.716 | 1.272.827.403.716 |
| - Nhà đầu tư ủy thác trong nước                    | 041 |      | 1.718.818.423.716 | 1.272.827.403.716 |
| 5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác       | 051 | 5.15 | 596.801.052       | 30.259.978.024    |

Người lập

Nguyễn Nguyệt Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Nguyệt Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS  
BỘ BÁC TỰ LIÊM - TẬP HỢP  
Trình Quốc Bình



BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

| CHỈ TIÊU | MIS | TM | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>ngày 30/6/2025<br>VND | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>ngày 30/6/2024<br>VND |
|----------|-----|----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|----------|-----|----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|

|                                                                 |    |     |               |               |
|-----------------------------------------------------------------|----|-----|---------------|---------------|
| 1. Doanh thu                                                    | 01 | 6.1 | 3.081.343.684 | 1.915.125.975 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                 | 02 |     | -             | -             |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)         | 10 |     | 3.081.343.684 | 1.915.125.975 |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán               | 11 | 6.2 | 1.567.886.008 | 1.261.083.027 |
| 5. Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)           | 20 |     | 1.513.457.676 | 654.042.948   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                | 21 | 6.3 | 875.733.668   | 689.187.248   |
| 7. Chi phí tài chính                                            | 22 | 6.4 | (562.069.463) | 213.159.758   |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                 | 25 | 6.5 | 519.077.520   | 936.435.961   |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-25} | 30 |     | 2.432.183.287 | 193.634.477   |
| 10. Thu nhập khác                                               | 31 |     | -             | -             |
| 11. Chi phí khác                                                | 32 |     | -             | 16.200        |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)                                 | 40 |     | -             | (16.200)      |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)              | 50 |     | 2.432.183.287 | 193.618.277   |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                 | 51 | 6.6 | 486.436.657   | -             |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)    | 60 |     | 1.945.746.630 | 193.618.277   |
| 16. Lai trên cổ phiếu                                           | 70 | 6.7 | 556           | 42            |

Người lập

Nguyễn Nguyệt Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Nguyệt Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025  
Tỉnh Quốc Bình



**BẢO CẢO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B03a - CTQ  
Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
Ngày 30/6/2024  
Cho kỳ kế toán  
kết thúc  
ngày 30/6/2025  
VND  
VND  
MS TM

**CHỈ TIÊU**

|                                                                 |    |                  |                  |
|-----------------------------------------------------------------|----|------------------|------------------|
| 1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh                             | 01 | 2.680.172.443    | 1.838.786.172    |
| 1. và doanh thu khác                                            | 02 | (495.327.960)    | (287.545.850)    |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ          | 03 | (2.201.744.740)  | (2.167.744.164)  |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                              | 05 | (147.610.537)    | -                |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                      | 06 | 30.000.000       | 183.280.066      |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                        | 07 | (504.762.093)    | (371.267.314)    |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                       | 20 | (639.272.887)    | (804.491.090)    |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư                         | 23 | (27.750.000.000) | (24.560.000.000) |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác         | 24 | 25.800.000.000   | 25.050.000.000   |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 25 | (1.000.000)      | -                |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                      | 27 | 812.480.106      | 793.357.413      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia          | 30 | (1.138.519.894)  | 1.283.357.413    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                       | 40 | -                | -                |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                     | 50 | (1.777.792.781)  | 478.866.323      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                    | 51 | 4.368.838.867    | 543.440.191      |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                 | 60 | 2.591.046.086    | 1.022.306.514    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ         | 61 | -                | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)                | 70 | 2.591.046.086    | 1.022.306.514    |

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Nguyệt Minh

Nguyễn Nguyệt Minh

Trình Quốc Bình



Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                             | Số dư đầu kỳ   |                | Số tăng/giảm |      |               |              | Số dư cuối kỳ  |                |
|--------------------------------------|----------------|----------------|--------------|------|---------------|--------------|----------------|----------------|
|                                      |                |                | Kỳ trước     |      | Kỳ này        |              |                |                |
|                                      | 01/01/2024     | 01/01/2025     | Tăng         | Giảm | Tăng          | Giảm         | 30/06/2024     | 30/06/2025     |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | -            | -    | -             | -            | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển             | 297.571.576    | 297.571.576    | -            | -    | -             | -            | 297.571.576    | 297.571.576    |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính            | 595.143.152    | 595.143.152    | -            | -    | -             | -            | 595.143.152    | 595.143.152    |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 113.861.140    | 3.119.128.926  | 193.618.277  | -    | 1.945.746.630 | (93.573.868) | 307.479.417    | 4.971.301.688  |
| Tổng                                 | 36.006.575.868 | 39.011.843.654 | 193.618.277  | -    | 1.945.746.630 | (93.573.868) | 36.200.194.145 | 40.864.016.416 |

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

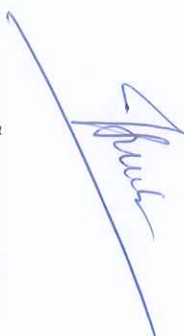
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Nguyệt Minh



Nguyễn Nguyệt Minh



Trịnh Quốc Bình



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors tiến thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương, trước đó lần lượt là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hapaco. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép lần đầu số 16/UBCK-GPHBQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPBC-UBCK ngày 30/9/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đổi tên Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200725638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi các lần, thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 ngày 23/02/2023 là 35.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: LEADVISORS CAPITAL MANAGEMENT COMPANY;

Tên viết tắt: LEADVISORS CAPITAL MANAGEMENT

Trụ sở chính của công ty: Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Số lao động tại ngày 30/06/2025 là 15 người (tài ngày 31/12/2024 là 13 người).

## 1.1 Hình thức sở hữu vốn

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### BÀN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS  
Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,  
phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội  
Ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính

Mẫu số B09a – CTQ

Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC

## 3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 3.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2.2 Kỳ kế toán nửa

Kỳ kế toán nửa của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2.3 Kỳ kế toán nửa

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

### 1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Số lao động tại ngày 30/06/2025 là 15 người (tài ngày 31/12/2024 là 13 người).



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

3.2

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4.

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**  
**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo trình bày bảng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

**Chương khoản đầu tư**

Chương khoản kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh công các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư khác**

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**4. CÁC CHÌNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư (Tiếp theo)**

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được tính bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Số năm  
3

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước trước của Công ty bao gồm các chi phí: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu hoạt động từ vẫn đầu tư chứng khoán là khoản phí dịch vụ từ vẫn mà công ty thu được khi cung cấp dịch vụ từ vẫn liên quan đến chứng khoán hoặc thì trường chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu hoạt động quản lý danh mục là khoản phí mà Công ty được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác, được tính theo quy định của hợp đồng dịch vụ.

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty chứng khoán thu phí mà Công ty được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty chứng khoán, được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi quỹ, công ty vào ngày cuối tháng.

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư vẫn đầu tư chứng khoán. Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư và chứng khoán, công ty đầu tư vẫn đầu tư chứng khoán.

**Doanh thu hoạt động nghiệp vụ**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư, các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục "Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán" theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

**Hợp đồng ủy thác đầu tư**

Có thể chính thức được công bố và chỉ trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng quản trị của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**4. CÁC CHỈ TIÊU SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS  
Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,  
Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội  
Ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính  
Mẫu số B09a - CTQ  
Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**

Chi phí hoạt động kinh doanh phân ánh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động nghiệp vụ trong kỳ. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng giám giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản tiền được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thu nhập chịu thuế áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                       | 30/06/2025           | 01/01/2025           |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền gửi ngân hàng                    | 591.046.086          | 868.838.867          |
| Các khoản tương đương tiền            | 2.000.000.000        | 3.500.000.000        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*) | 2.000.000.000        | 3.500.000.000        |
| <b>Tổng</b>                           | <b>2.591.046.086</b> | <b>4.368.838.867</b> |

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với lãi suất từ 4,7%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,

phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a – CTQ

Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC

Ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**5.2.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

|                                                       | 30/06/2025 (VND) |                       |                       |                         | 01/01/2025 (VND) |                       |                       |                         |
|-------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
|                                                       | Số lượng         | Giá gốc               | Giá trị hợp lý        | Dự phòng                | Số lượng         | Giá gốc               | Giá trị hợp lý        | Dự phòng                |
| Đầu tư ngắn hạn                                       |                  | 46.368.023.342        | 35.038.158.000        | (11.329.865.342)        |                  | 44.418.023.342        | 32.573.978.800        | (11.844.044.542)        |
| Chứng khoán niêm yết                                  |                  | 18.316.574.712        | 7.288.158.000         | (11.028.416.712)        |                  | 18.316.574.712        | 6.773.978.800         | (11.542.595.912)        |
| + Công ty Cổ phần One Capital Hospitality             | 680.300          | 8.895.784.900         | 4.013.770.000         | (4.882.014.900)         | 680.300          | 8.895.784.900         | 3.741.650.000         | (5.154.134.900)         |
| + Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội                   | 2.318.000        | 8.125.169.500         | 2.433.900.000         | (5.691.269.500)         | 2.318.000        | 8.125.169.500         | 2.241.506.000         | (5.883.663.500)         |
| + Công ty Cổ phần Everpia                             | 76.408           | 1.295.620.312         | 840.488.000           | (455.132.312)           | 76.408           | 1.295.620.312         | 790.822.800           | (504.797.512)           |
| Chứng khoán hủy niêm yết                              |                  | 301.448.630           | -                     | (301.448.630)           |                  | 301.448.630           | -                     | (301.448.630)           |
| + Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre | 6.980            | 301.448.630           | -                     | (301.448.630)           | 6.980            | 301.448.630           | -                     | (301.448.630)           |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                       |                  | 27.750.000.000        | 27.750.000.000        | -                       |                  | 25.800.000.000        | 25.800.000.000        | -                       |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng                      |                  | 27.750.000.000        | 27.750.000.000        | -                       |                  | 25.800.000.000        | 25.800.000.000        | -                       |
| + Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng   |                  | 27.750.000.000        | 27.750.000.000        | -                       |                  | 23.600.000.000        | 23.600.000.000        | -                       |
| + Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam       |                  | -                     | -                     | -                       |                  | 2.200.000.000         | 2.200.000.000         | -                       |
| <b>Tổng</b>                                           |                  | <b>46.368.023.342</b> | <b>35.038.158.000</b> | <b>(11.329.865.342)</b> |                  | <b>44.418.023.342</b> | <b>32.573.978.800</b> | <b>(11.844.044.542)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS**

Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,  
phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

Mẫu số B09a - CTQ  
Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT - BTC  
Ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

|                                  | 30/06/2025 (VND) |                      |                |                        | 01/01/2025 (VND) |                      |                |                        |
|----------------------------------|------------------|----------------------|----------------|------------------------|------------------|----------------------|----------------|------------------------|
|                                  | Số lượng         | Giá gốc              | Giá trị hợp lý | Dự phòng               | Số lượng         | Giá gốc              | Giá trị hợp lý | Dự phòng               |
| Đầu tư dài hạn khác              |                  | 4.755.184.800        |                | (1.860.561.485)        |                  | 4.754.184.800        |                | (1.908.451.748)        |
| + Công ty Cổ phần Kinh mắ Hà Nội | 448.508          | 4.754.184.800        |                | (1.860.561.485)        | 448.508          | 4.754.184.800        |                | (1.908.451.748)        |
| + Công ty Cổ phần One Capital    | 100              | 1.000.000            |                | -                      |                  | -                    |                | -                      |
| Consumer                         |                  |                      |                |                        |                  |                      |                |                        |
| <b>Tổng</b>                      |                  | <b>4.755.184.800</b> | <b>(*)</b>     | <b>(1.860.561.485)</b> |                  | <b>4.754.184.800</b> | <b>(*)</b>     | <b>(1.908.451.748)</b> |

(\*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

| 30/06/2025    | 01/01/2025  |
|---------------|-------------|
| VND           | VND         |
| 1.120.858.317 | 719.687.076 |
| 85.363.300    | 130.182.679 |
| 519.949.160   | 473.958.540 |
| 515.545.857   | 115.545.857 |
| 1.120.858.317 | 719.687.076 |

Ngân hạn  
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và  
công ty đầu tư chứng khoán  
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư  
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác

Tổng

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan

(Chỉ tiết tại Thuyết minh số 7.1)

5.4 Các khoản phải thu khác

| 30/06/2025 (VND) | 01/01/2025 (VND) |
|------------------|------------------|
| Gia trị ghi sổ   | Gia trị ghi sổ   |
| Dự phòng         | Dự phòng         |
| 1.097.818.721    | 948.770.475      |
| (617.640.475)    | (617.640.475)    |
| 5.000.000        | 5.000.000        |
| -                | -                |
| 1.092.818.721    | 943.770.475      |
| (617.640.475)    | (617.640.475)    |
| 600.000.000      | 600.000.000      |
| -                | -                |
| 389.383.562      | 326.130.000      |
| 103.435.159      | 17.640.475       |
| (17.640.475)     | (17.640.475)     |
| 1.097.818.721    | 948.770.475      |

Ngân hạn  
- Kỳ cược, ký quỹ  
- Phải thu khác  
+ Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng  
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn  
+ Phải thu là các đối tượng khác

Tổng

5.5 Nợ xấu

| 30/06/2025 (VND) | 01/01/2025 (VND) |
|------------------|------------------|
| Gia trị có       | Gia trị có       |
| Dự phòng         | Dự phòng         |
| thể thu hồi      | thể thu hồi      |
| Gia gốc          | Gia gốc          |
| 213.932.954      | 213.932.954      |
| (213.932.954)    | (213.932.954)    |
| 600.000.000      | 600.000.000      |
| -                | -                |
| 17.640.475       | 17.640.475       |
| (17.640.475)     | (17.640.475)     |
| 831.573.429      | 831.573.429      |
| (831.573.429)    | (831.573.429)    |

Công ty Cổ phần Bình Dương Xanh  
Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng  
Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco

Tổng

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| NGUYÊN GIÁ           |               | Thiết bị, dụng cụ quản lý |               |
|----------------------|---------------|---------------------------|---------------|
| Số dư tại 01/01/2025 | Tăng trong kỳ | Số dư tại 30/06/2025      | Giảm trong kỳ |
| 100.989.998          | -             | 100.989.998               | -             |
| 94.497.500           | 5.565.000     | 94.497.500                | 5.565.000     |
| 100.062.500          | 6.492.498     | 100.062.500               | 6.492.498     |
| 927.498              | 927.498       | 927.498                   | 927.498       |
| TỔNG                 |               | TỔNG                      |               |

5.7 Chi phí trả trước

| Dài hạn    |            | Tổng       |            |
|------------|------------|------------|------------|
| 30/06/2025 | 01/01/2025 | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
| VND        | VND        | VND        | VND        |
| 41.472.150 | 6.663.734  | 41.472.150 | 6.663.734  |
| 41.472.150 | 6.663.734  | 41.472.150 | 6.663.734  |
| TỔNG       |            | TỔNG       |            |

5.8 Phải trả người bán

| Số có khả năng trả nợ |                  | Số có khả năng trả nợ |                  |
|-----------------------|------------------|-----------------------|------------------|
| 30/06/2025 (VND)      | 01/01/2025 (VND) | 30/06/2025 (VND)      | 01/01/2025 (VND) |
| 400.747.362           | 414.361.505      | 400.747.362           | 414.361.505      |
| 372.081.962           | 372.081.962      | 372.081.962           | 372.081.962      |
| -                     | 40.600.000       | -                     | 40.600.000       |
| 28.665.400            | 1.679.543        | 28.665.400            | 1.679.543        |
| 400.747.362           | 414.361.505      | 400.747.362           | 414.361.505      |
| TỔNG                  |                  | TỔNG                  |                  |



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

| Số phải nộp                            | Số đã nộp          | trong kỳ           | 30/06/2025         |
|----------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Phải nộp</b>                        | <b>215.248.495</b> | <b>683.604.723</b> | <b>337.049.946</b> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 147.610.537        | 486.436.657        | 147.610.537        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 66.949.000         | 197.168.066        | 189.439.409        |
| Thuế Bảo vệ môi trường                 | 371.607            | -                  | -                  |
| Thuế khác                              | -                  | -                  | -                  |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 317.351            | -                  | -                  |

**5.10 Chi phí phải trả**

|                               |                  |                   |                   |
|-------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Ngân hàng</b>              | <b>3.108.270</b> | <b>VND</b>        | <b>30/06/2025</b> |
| Trích trước chi phí kiểm toán | -                | -                 | -                 |
| Trích trước chi phí lưu ký    | -                | -                 | -                 |
| Các khoản trích trước khác    | 3.108.270        | -                 | -                 |
| <b>Tổng</b>                   | <b>3.108.270</b> | <b>30.641.858</b> | <b>01/01/2025</b> |

**5.11 Phải trả khác**

|                                         |                   |                   |                   |
|-----------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Ngân hàng</b>                        | <b>26.144.509</b> | <b>VND</b>        | <b>30/06/2025</b> |
| Phải trả, phải nộp khác                 | 26.144.509        | -                 | -                 |
| - Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Dương | 6.698.634         | -                 | -                 |
| - Công ty Cổ phần Dầu tư Hqfinco        | 16.784.800        | -                 | -                 |
| - Phải trả là các đối tượng khác        | 2.661.075         | -                 | -                 |
| <b>Tổng</b>                             | <b>26.144.509</b> | <b>26.144.509</b> | <b>01/01/2025</b> |

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ đầu tư phát triển | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Số dư tại 01/01/2024 |             |             |             | Số dư tại 31/12/2024 |                |             |             | Số dư tại 01/01/2025 |                |             |             | Lãi trong kỳ này |               |              |              | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i) |             |             |               | Số dư tại 30/06/2025 |                |             |             |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|-------------|-------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|-------------|------------------|---------------|--------------|--------------|------------------------------------|-------------|-------------|---------------|----------------------|----------------|-------------|-------------|
|                                   |                        |                       |                           | 36.006.575.868       | 113.861.140 | 297.571.576 | 595.143.152 | 3.005.267.786        | 39.011.843.654 | 297.571.576 | 595.143.152 | 3.119.128.926        | 39.011.843.654 | 297.571.576 | 595.143.152 | 3.119.128.926    | 1.945.746.630 | (93.573.868) | (93.573.868) | 35.000.000.000                     | 297.571.576 | 595.143.152 | 4.971.301.688 | 40.864.016.416       | 35.000.000.000 | 297.571.576 | 595.143.152 |
| Tổng                              |                        |                       |                           |                      |             |             |             |                      |                |             |             |                      |                |             |             |                  |               |              |              |                                    |             |             |               |                      |                |             |             |

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Công ty Cổ phần Tập đoàn Leadvisors Capital | Ông Lê Minh Thành | Bà Nguyễn Thị Lan Hương | Bà Hà Thị Bích Ngọc | Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Tài sản Leadvisors | 30/06/2025     |                | 01/01/2025     |                |
|---------------------------------------------|-------------------|-------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                                             |                   |                         |                     |                                                      | VND            | VND            | VND            | VND            |
| 14.700.000.000                              | 14.700.000.000    | 20.299.000.000          | 11.550.000.000      | 7.210.000.000                                        | 1.540.000.000  | -              | -              | -              |
| 35.000.000.000                              | 35.000.000.000    | 35.000.000.000          | 35.000.000.000      | 35.000.000.000                                       | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/3/2025 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 93.573.868 VND.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 | VND            |                |
|----------------------------------------|----------------------------------------|----------------|----------------|
|                                        |                                        | VND            | VND            |
| 35.000.000.000                         | 35.000.000.000                         | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| -                                      | -                                      | -              | -              |
| 35.000.000.000                         | 35.000.000.000                         | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |

Vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Vốn góp tại đầu kỳ  
Vốn góp tăng trong kỳ  
Vốn góp tại cuối kỳ



5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

| 01/01/2025 | 30/06/2025 |
|------------|------------|
| Cổ phiếu   | Cổ phiếu   |
| 3.500.000  | 3.500.000  |
| 3.500.000  | 3.500.000  |
| 3.500.000  | 3.500.000  |
| 3.500.000  | 3.500.000  |
| 3.500.000  | 3.500.000  |
| 3.500.000  | 3.500.000  |
| 10.000     | 10.000     |

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành  
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng  
Số phiếu phổ thông  
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành  
(đồng/cổ phiếu)

5.13 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Số dư đầu kỳ  
Số tăng trong kỳ  
Số giảm trong kỳ  
Số dư cuối kỳ

5.14 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Nhà đầu tư ủy thác trong nước  
Cổ phiếu niêm yết, đang ký giao dịch  
Cổ phiếu không niêm yết  
Cổ phần, phần vốn góp khác

Tổng

5.15 Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

Giả định vụ quản lý danh mục đầu tư, lưu ký  
Phải trả tiền mua chứng khoán

Tổng

|                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| Cho kỳ kế toán      | Cho kỳ kế toán    |
| ngày 30/6/2024      | ngày 30/6/2025    |
| VND                 | VND               |
| 1.409.976.372.698   | 95.025.352.553    |
| 315.932.155.219     | 523.882.076.500   |
| (1.667.464.744.030) | (552.373.065.598) |
| 58.443.783.887      | 66.534.363.455    |
| Cổ phiếu            | Cổ phiếu          |
| 01/01/2025          | 30/06/2025        |
| 3.500.000           | 3.500.000         |
| 3.500.000           | 3.500.000         |
| 3.500.000           | 3.500.000         |
| 3.500.000           | 3.500.000         |
| 3.500.000           | 3.500.000         |
| 3.500.000           | 3.500.000         |
| 10.000              | 10.000            |

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

| 6.1 Doanh thu                                                                    |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán | 253.571.781          |
| Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư                                      | 2.027.771.903        |
| Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán                                    | 800.000.000          |
| <b>Tổng</b>                                                                      | <b>3.081.343.684</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                                                 |                      |
| Doanh thu với các bên liên quan:<br>(Chỉ tiết tại Thuyết minh 7.1)               | 298.833.458          |
|                                                                                  | 978.838.173          |
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025                                           | VND                  |
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024                                           | VND                  |
| 765.798.781                                                                      | 700.000.000          |
| 449.327.194                                                                      | 1.915.125.975        |

6.2 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

|                                                                                |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán | 558.560.000          |
| Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư                                      | 226.600.000          |
| Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán                                    | 762.892.562          |
| Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác                                               | 19.833.446           |
| <b>Tổng</b>                                                                    | <b>1.567.886.008</b> |
|                                                                                | 1.261.083.027        |
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025                                         | VND                  |
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024                                         | VND                  |
| 911.440.000                                                                    | 183.400.000          |
| 159.820.000                                                                    | 6.423.027            |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

|                                        |                    |
|----------------------------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay             | 837.529.668        |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia            | 38.204.000         |
| <b>Tổng</b>                            | <b>875.733.668</b> |
|                                        | 689.187.248        |
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 | VND                |
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 | VND                |
| 650.983.248                            | 38.204.000         |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

|                |     |
|----------------|-----|
| Cho kỳ kế toán | VND |
| ngày 30/6/2025 |     |
| ngày 30/6/2024 | VND |

213.159.758

(562.069.463)

213.159.758

(562.069.463)

Tổng

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                |     |
|----------------|-----|
| Cho kỳ kế toán | VND |
| ngày 30/6/2025 |     |
| ngày 30/6/2024 | VND |

438.047.500

248.184.153

47.835.882

9.171.584

5.565.000

5.565.000

3.000.000

3.000.000

441.987.579

253.156.783

936.435.961

519.077.520

Tổng

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

|                |     |
|----------------|-----|
| Cho kỳ kế toán | VND |
| ngày 30/6/2025 |     |
| ngày 30/6/2024 | VND |

Cho kỳ kế toán  
kết thúc  
ngày 30/6/2024  
VND  
(Trình bày lại)

193.618.277

2.432.183.287

(193.618.277)

-

-

2.432.183.287

20%

20%

-

486.436.657

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN

Các khoản điều chỉnh tăng

Các khoản điều chỉnh giảm

Chuyển lỗ

Thu nhập tính thuế TNDN

Thuế suất thuế TNDN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

6.7 Lãi trên cổ phiếu

| Cho kỳ kế toán kết thúc | Cho kỳ kế toán kết thúc |
|-------------------------|-------------------------|
| ngày 30/6/2024          | ngày 30/6/2025          |
| VND                     | VND                     |
| (Trình bày lại)         |                         |

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)

1.945.746.630

Các khoản điều chỉnh giảm

(46.786.934)

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi

(46.786.934)

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ

1.945.746.630

phần vốn (VND)

3.500.000

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

42

Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(\*) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 24/3/2025. Theo đó, lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được trình bày lại như sau:

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 (Trình bày lại)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 (Đã trình bày)

Chênh lệch

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

193.618.277

193.618.277

Các khoản điều chỉnh giảm

(46.786.934)

-

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi

(46.786.934)

-

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ

146.831.343

193.618.277

(46.786.934)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

3.500.000

3.500.000

-

Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)

42

55

(13)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Quỹ Đầu tư Cơ hội Đặc biệt Leadvisors

Công ty Cổ phần Tập đoàn Leadvisors Capital

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt

Ảnh hưởng đáng kể

Cổ đông lớn

Quỹ thuộc sự quản lý của Công ty

Mối quan hệ



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

|                                         |     |             |             |
|-----------------------------------------|-----|-------------|-------------|
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 | VND | 766.700.000 | 604.500.000 |
| Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 | VND | 766.700.000 | 604.500.000 |

Tổng

Chi tiết như sau:

| Họ và tên                | Chức vụ  | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 |
|--------------------------|----------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| Hội đồng Quản trị        | Chủ tịch | 12.500.000                              | 13.000.000                              |
| Ông Lê Minh Thành        |          | 12.500.000                              | 13.000.000                              |
| Ban Tổng Giám đốc        |          | 540.500.000                             | 421.000.000                             |
| Ông Lê Minh Thành        |          | 540.500.000                             | 421.000.000                             |
| Ông Trịnh Quốc Bình      |          | 540.500.000                             | 421.000.000                             |
| Nhưng người quản lý khác |          | 213.700.000                             | 170.500.000                             |
| Bà Nguyễn Nguyệt Minh    |          | 213.700.000                             | 170.500.000                             |
| Tổng Giám đốc            |          | 766.700.000                             | 604.500.000                             |
| Kế toán trưởng           |          | 766.700.000                             | 604.500.000                             |
| Ông                      |          | 766.700.000                             | 604.500.000                             |

Giao dịch với các bên liên quan

| Bên liên quan               | Tính chất                      | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 |
|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| Doanh thu hoạt động         |                                | 298.833.458                             | 978.838.173                             |
| Ông Lê Minh Thành           | Quản lý danh mục đầu tư        | 45.261.677                              | 213.039.392                             |
| Quỹ Đầu tư Cơ hội Đặc biệt  | Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán | 253.571.781                             | 765.798.781                             |
| Leadvisors                  |                                |                                         |                                         |
| Số dư với các bên liên quan |                                |                                         |                                         |

| Bên liên quan                | Mối quan hệ                      | 30/06/2025 | 01/01/2025  |
|------------------------------|----------------------------------|------------|-------------|
| Phải thu hoạt động nghiệp vụ |                                  | 92.905.423 | 241.395.684 |
| Quỹ Đầu tư Cơ hội Đặc biệt   | Quỹ thuộc sự quản lý của Công ty | 85.363.300 | 130.182.679 |
| Leadvisors                   |                                  |            |             |
| Ông Lê Minh Thành            | Chủ tịch HĐQT                    | 7.542.123  | 111.213.005 |

## BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

## 7.2 Quản lý rủi ro tài chính

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thông nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính hạn.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng hạn của Công ty

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

**Rủi ro tỷ giá**

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do các tài sản tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính hạn.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một luồng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



## BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

## 7.2 Quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

## Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

## Tài sản tài chính

- Tiền và tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ
- Các khoản phải thu khác

## Tổng

## Nợ phải trả tài chính

- Phải trả cho người bán
- Chi phí phải trả
- Các khoản phải trả khác

## Tổng

Trạng thái thanh khoản ròng

| Dưới 1 năm     | Từ 1 năm<br>đến 5 năm | Tổng cộng      |
|----------------|-----------------------|----------------|
| 50.346.173.037 | 5.586.758.229         | 55.932.931.266 |
| 2.591.046.086  | -                     | 2.591.046.086  |
| 46.368.023.342 | -                     | 46.368.023.342 |
| -              | 4.755.184.800         | 4.755.184.800  |
| 906.925.363    | 213.932.954           | 1.120.858.317  |
| 480.178.246    | 617.640.475           | 1.097.818.721  |
| 430.000.141    | -                     | 430.000.141    |
| 400.747.362    | -                     | 400.747.362    |
| 3.108.270      | -                     | 3.108.270      |
| 26.144.509     | -                     | 26.144.509     |
| 49.916.172.896 | 5.586.758.229         | 55.502.931.125 |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7.2 Quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

**Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

|                                 | Giá trị ghi sổ |                  |                |                  | Giá trị hợp lý |                |
|---------------------------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|----------------|
|                                 | 30/06/2025     |                  | 01/01/2025     |                  | 30/06/2025     | 01/01/2025     |
|                                 | Nguyên giá     | Dự phòng         | Nguyên giá     | Dự phòng         |                |                |
| <b>Tài sản tài chính</b>        |                |                  |                |                  |                |                |
| <b>Tiền và tương đương tiền</b> | 2.591.046.086  | -                | 4.368.838.867  | -                | 2.591.046.086  | 4.368.838.867  |
| <b>Đầu tư tài chính</b>         | 51.123.208.142 | (13.190.426.827) | 49.172.208.142 | (13.752.496.290) |                |                |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn     | 46.368.023.342 | (11.329.865.342) | 44.418.023.342 | (11.844.044.542) | 35.038.158.000 | 32.573.978.800 |
| - Đầu tư tài chính dài hạn      | 4.755.184.800  | (1.860.561.485)  | 4.754.184.800  | (1.908.451.748)  | (*)            | (*)            |
| <b>Phải thu</b>                 | 2.218.677.038  | (831.573.429)    | 1.668.457.551  | (831.573.429)    |                |                |
| - Phải thu hoạt động nghiệp vụ  | 1.120.858.317  | (213.932.954)    | 719.687.076    | (213.932.954)    | (*)            | (*)            |
| - Các khoản phải thu khác       | 1.097.818.721  | (617.640.475)    | 948.770.475    | (617.640.475)    | (*)            | (*)            |
| <b>Tổng</b>                     | 55.932.931.266 | (14.022.000.256) | 55.209.504.560 | (14.584.069.719) |                |                |

|                              | Giá trị ghi sổ |             | Giá trị hợp lý |            |
|------------------------------|----------------|-------------|----------------|------------|
|                              | 30/06/2025     | 01/01/2025  | 30/06/2025     | 01/01/2025 |
|                              |                |             |                |            |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b> |                |             |                |            |
| - Phải trả cho người bán     | 400.747.362    | 414.361.505 | (*)            | (*)        |
| - Chi phí phải trả           | 3.108.270      | 30.641.858  | (*)            | (*)        |
| - Các khoản phải trả khác    | 26.144.509     | 26.144.509  | (*)            | (*)        |
| <b>Tổng</b>                  | 430.000.141    | 471.147.872 | (*)            | (*)        |

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS  
Tầng 25, Tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,  
phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội  
Ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7.2 Quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

**Cơ xác định giá trị hợp lý**

Đối với các chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng khoán có quyền đảm bảo niêm yết) giá trị hợp lý là giá đóng cửa vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký trên sàn UPCOM và doanh nghiệp nhà nước được thực hiện cổ phần hóa dưới mọi hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá trị hợp lý là giá trị bình quân trong 30 ngày giao dịch liên tiếp gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở giao dịch chứng khoán công bố.  
Đối với trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, giá thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán trong 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.  
Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

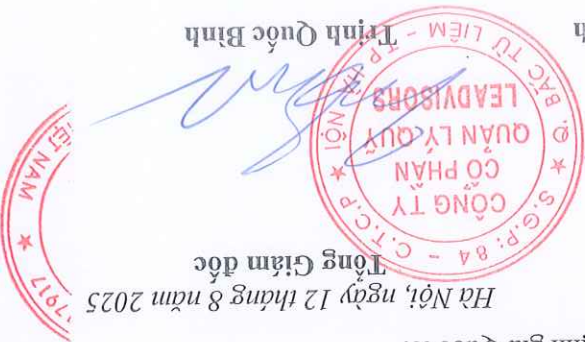
Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Nguyệt Minh

Nguyễn Nguyệt Minh

Trình Quốc Bình



*(Signature)*

*(Signature)*

*(Signature)*

